

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vương Đình Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Thấu và bà Lê Thị Thanh Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị B, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. *Người làm chứng:*

+ Bà Lê Thị X, sinh năm: 1947; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

+ Bà Hà Thị H1, sinh năm: 1948; địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Vũ Thị B trình bày:* Chị và anh Nguyễn Đức Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Q ở thôn L, xã P, huyện Gia Lộc; vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, anh Q làm ăn kinh tế không bản bạc gì

với chị dẫn đến bị thua lỗ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng mệt mỏi. Đến tháng 01 năm 2020, chị đã đưa con thứ hai đến ở nhờ nhà chị ruột tại thành phố Hà Nội sống cho đến nay. Vợ chồng ly thân nhau từ trước đó đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có hai con là Nguyễn Đức N, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Long H, sinh ngày 27/11/2010. Hiện cháu N đang sống cùng với anh Q tại thôn L, xã P, huyện Gia Lộc; còn cháu H đang sống cùng chị ở nhờ nhà chị gái của chị tại phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, hiện cháu H vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường có điều kiện ăn học, chỗ ở, sinh hoạt đầy đủ. Hiện chị đang làm lao động tự do buôn bán từ quê lên Hà Nội có mức thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/tháng, chị vẫn thường xuyên về thăm con. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu H còn anh Q nuôi cháu N theo nguyện vọng của các cháu và chị không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Đức Q trình bày:* Năm 2003 anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại thôn L, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Từ năm 2003 đến năm 2018, vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2018, do công việc làm ăn của anh bị thất thoát về tài chính nên xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị vẫn còn, mâu thuẫn chưa nghiêm trọng, chưa xảy ra xô sát nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con như chị B trình bày. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của các con, các con muốn ở với anh thì anh nhất trí.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Xác minh tại chính quyền địa phương xã P, huyện Gia Lộc cung cấp:* Anh Q và chị B có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2003. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn L, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, vợ chồng không thống nhất được về cách đầu tư, làm ăn, anh chị đã tự thống nhất phân chia tài sản chung vợ chồng và sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Về con chung: Anh chị có hai con như đã nêu trên, cháu N đang ở cùng với anh Q, cháu H đang ở cùng với chị B. Hiện chị B làm nghề buôn bán còn anh Q không có nghề nghiệp gì, cụ thể về thu nhập của anh chị địa phương không nắm được.

*Xác minh tại Trường trung học cơ sở P, huyện Gia Lộc cung cấp:* Cháu Nguyễn Đức N, sinh năm 2004 đang học lớp 9B tại Trường, cháu học hành bình thường, không có biểu hiện gì bất thường. Việc đóng góp cho cháu là do chị B đóng góp 1 lần từ đầu năm học.

*Tại lời khai của bà Hà Thị H1 là mẹ đẻ của chị B trình bày:* Vào năm 2003, sau khi tìm hiểu anh chị đã cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Gia Lộc và được hai gia đình tổ chức hôn lễ vào cuối năm 2003. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có một số lần cãi nhau nhưng gia đình đều động viên anh chị tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân là do anh Q làm ăn kinh tế bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh chị có hai con như đã nêu trên; hiện cháu N đang sống cùng anh Q, cháu L đang sống cùng với chị B; bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị mỗi người nuôi một cháu.

*Tại lời khai của bà Lê Thị X là mẹ đẻ của anh Q trình bày:* Anh Q, chị B có kết hôn và được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với gia đình bà, đến năm 2015 thì xây nhà ra ở riêng. Bà không biết anh chị mâu thuẫn thế nào mà hiện nay vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa, chị B đi buôn bán trên Hà Nội còn anh Q về ở cùng với bà. Anh chị có hai con như trên, hiện cháu N đang ở cùng với bà và anh Q, cháu H ở cùng với chị B, bà vẫn hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Bà cho rằng việc anh chị ly hôn là việc riêng của anh chị và bà không có ý kiến gì.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị B, cho chị B được ly hôn anh Nguyễn Đức Q. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 16/9/2004 cho anh Q nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Long H, sinh ngày 27/11/2010 cho chị B nuôi dưỡng. Chị B và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị B khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Đức Q, trú tại thôn L, xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp

lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bị đơn là anh Nguyễn Đức Q. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đức Q đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người làm chứng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/12/2003 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính cách không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không thống nhất được về cách đầu tư nên đã tự thống nhất phân chia tài sản chung vợ chồng và sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, mỗi người sống một nơi không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh Q. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q đến để làm việc và tham gia phiên hòa giải, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị và đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng tại các phiên hoà giải anh đều vắng mặt, thể hiện thái độ không chấp hành, không quan tâm đến việc hoà giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Điều đó chính tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh Q có hai con là Nguyễn Đức N, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Long H, sinh ngày 27/11/2010. Từ tháng 01 năm 2020 khi chị B và anh Q sống ly thân, mỗi người một nơi thì cháu N vẫn sống cùng anh Q, cháu H sống cùng chị B. Hiện cả hai cháu đều vẫn khoẻ mạnh, phát triển bình thường, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với anh Q, cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị B; chị B đề nghị được tiếp tục nuôi cháu H và không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con; anh Q tôn trọng nguyện vọng của các con, các con muốn ở với anh thì anh nhất trí. Do vậy cần giao cháu H cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng để cho các cháu được ổn định cuộc sống và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị B ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

2. Về nuôi con: Giao con là Nguyễn Long H, sinh ngày 27/11/2010 cho chị Vũ Thị B trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con là Nguyễn Đức N, sinh ngày 16/9/2004 cho anh Nguyễn Đức Q trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị B, anh Q không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị B và anh Nguyễn Đức Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008671 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã P, huyện Gia Lộc để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vương Đình Thi**